

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 53/TTr-BKTNS ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 253/BC-BPC ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các chế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ và bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại Nghị quyết này là kinh phí hoạt động đặc thù của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Ngân sách các cấp chính quyền địa phương bố trí kinh phí cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cùng cấp, phân bổ dự toán kinh phí hằng năm cho cơ quan phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã). Ngân sách cấp trên cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Mức chi quy định cho các hoạt động chung như giám sát, khảo sát, chất vấn, giải trình, thẩm tra là mức khoán để thực hiện các công việc: Xây dựng kế hoạch, đề cương; triển khai giám sát, khảo sát thực tế và tổng hợp kết quả, báo cáo. Căn cứ yêu cầu công việc, trưởng bộ phận chủ trì thực hiện quyết định mức chi cho từng cá nhân.

Điều 4. Chế độ chi phục vụ kỳ họp

1. Chi tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời dự kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp:

a) Cấp tỉnh, các phường: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Các xã: 200.000 đồng/người/ngày;

c) Mức tiền ăn tổng kết tại các kỳ họp thường lệ được tổ chức từ 01 ngày trở lên: Bằng mức tiền ăn 01 ngày của đại biểu.

2. Chi tiền nước uống, ăn điểm tâm giữa giờ cho đại biểu và khách mời: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo;

b) Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu tại các địa phương trước kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;

b) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

5. Chi chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/nghị quyết;

b) Cấp xã: 500.000 đồng/nghị quyết.

Điều 5. Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát, chất vấn, giải trình

1. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 20.000.000 đồng/cuộc giám sát;

b) Cấp xã: 5.000.000 đồng/cuộc giám sát.

2. Giám sát chuyên đề của Ban Hội đồng nhân dân:
 - a) Cấp tỉnh: 10.000.000 đồng/cuộc giám sát;
 - b) Cấp xã: 3.500.000 đồng/cuộc giám sát.
3. Giám sát chuyên đề của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:
 - a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/cuộc giám sát;
 - b) Cấp xã: 2.500.000 đồng/cuộc giám sát.
4. Chi cho khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân:
 - a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/cuộc khảo sát;
 - b) Cấp xã: 2.500.000 đồng/cuộc khảo sát.
5. Chi cho tổ chức hoạt động chất vấn, giải trình của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/phiên chất vấn, giải trình;
 - b) Cấp xã: 1.500.000 đồng/phiên chất vấn, giải trình.

Điều 6. Chi cho hoạt động thẩm tra

1. Thẩm tra tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra;
 - b) Cấp xã: 1.500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
2. Thẩm tra các văn bản do cơ quan có thẩm quyền trình Thường trực Hội đồng nhân dân giữa hai kỳ họp:
 - a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra;
 - b) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

Điều 7. Chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri để chi phí: Trang trí, khánh tiết, hội trường, âm thanh, nước uống:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/điểm tiếp xúc;
 - b) Cấp xã: 1.500.000 đồng/điểm tiếp xúc.
2. Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu:
 - a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;
 - b) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chế độ tiền lương, hoạt động phí, phụ cấp và hỗ trợ các chức danh hoạt động kiêm nhiệm

1. Chi tiền lương, hoạt động phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác theo quy định của chế độ tiền lương hiện hành.

3. Các chức danh Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm khác:

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Phó Trưởng ban kiêm nhiệm	800.000	400.000
2	Tổ trưởng Tổ đại biểu	1.000.000	500.000
3	Tổ phó Tổ đại biểu	800.000	400.000

Trường hợp một đại biểu giữ nhiều chức danh kiêm nhiệm thì được hưởng 01 mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

Điều 9. Chi hỗ trợ may trang phục

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may trang phục, định mức 02 bộ/người/nhiệm kỳ, mức chi:

- a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/bộ;
- b) Cấp xã: 4.000.000 đồng/bộ.

2. Cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may trang phục, định mức 02 bộ/người/05 năm (cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân), mức chi:

- a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/bộ;
- b) Cấp xã: 3.000.000 đồng/bộ.

Điều 10. Một số chế độ chi khác

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân (các kỳ họp, các cuộc giám sát, khảo sát) được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước. Kinh phí thanh toán chế độ công tác phí do đơn vị triệu tập chi trả.

2. Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân khai thác tài liệu điện tử:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng;
- b) Cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

3. Chi trang cấp thiết bị phục vụ công tác:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang bị máy vi tính xách tay để nhận tài liệu và phục vụ hoạt động tại các kỳ họp, định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/máy.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách được trang bị máy vi tính xách tay cấu hình cao để phục vụ công tác, định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ, mức chi tối đa 25.000.000 đồng/máy.

c) Căn cứ yêu cầu công việc, điều kiện và khả năng ngân sách địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định trang bị thiết bị cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/máy.

4. Chi tham vấn nhân dân; thuê chuyên gia tư vấn phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân: Căn cứ nội dung và tính chất từng hoạt động, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét và quyết định cụ thể.

5. Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân đi tham quan, học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động: Căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế hàng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định kế hoạch thực hiện.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần; có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con từ trần được phúng viếng, mức chi:

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người;

b) Cấp xã: 1.500.000 đồng/người.

7. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ.

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã đồng thời là cán bộ thuộc diện Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo chế độ hiện hành của tỉnh về khám sức khỏe định kỳ, khám chữa bệnh thường kỳ đối với cán bộ tỉnh Lào Cai thuộc diện Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không phải là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ tương đương với đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý 02 lần/năm;

c) Tùy điều kiện và khả năng ngân sách địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình được khám sức khỏe định kỳ không quá 02 lần/năm tại cơ sở y tế phù hợp.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn, thiên tai được hỗ trợ khó khăn đột xuất không quá 02 lần/nhiệm kỳ. Mức hỗ trợ:

a) Cấp tỉnh: Tối đa 5.000.000 đồng/người/lần. Tùy từng trường hợp cụ thể, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp;

b) Cấp xã: Tùy từng trường hợp cụ thể và khả năng ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ phù hợp nhưng không cao hơn mức tối đa quy định tại điểm a Khoản này.

9. Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ:

- a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người;
- b) Cấp xã: 1.500.000 đồng/người.

10. Cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được thăm hỏi, phúng viếng, khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp khó khăn đột xuất và tặng quà lưu niệm như đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 9 quy định chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ số thứ tự 10, 11 Mục I.1, Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, phường;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, BPC.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng